

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày 14/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giang.

2. Ông Lê Văn Qui.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Nghiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không;

Nơi sinh: thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp 7, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Cha: Không xác định; mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Bị cáo là con duy nhất, chưa có vợ con; Tiền án: 01, ngày 02/02/2018 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 29/12/2018; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/02/2020 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Dương Quốc Q, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1959. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông **Quách Hán T2**, sinh năm 1969. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3/ Ông **Võ Văn Bận**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà **Trần Thị T3**, sinh năm 1950. (Vắng mặt)

2/ Bà **Phạm Thị T4**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

3/ Bà **Cao Thị T5**, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu T theo Cáo trạng truy tố: Nguyễn Hữu T (là người từng làm thuê cho kho hàng ông Q) do không có tiền tiêu xài nên len lút vào kho hàng của ông Q lấy trộm hàng hóa bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ ngày 02/01/2020, T điều khiển xe mô tô cá nhân, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát 59F1-557.28, đi một mình từ nhà thuộc ấp 7, xã L đến kho chứa hàng của ông Q dùng chìa khóa 8, hai đầu hình chữ C (để sẵn trong cốp xe) mở ổ, tạo lỗ hồng trên vách tol để đột nhập vào bên trong kho hàng. Khi vào kho hàng T dùng điện thoại di động Samsung A50, màu xanh, có gắn ốp lưng màu xanh đen đang sử dụng mở đèn flash chiếu sáng để mở công tắc điện, lần lượt lấy trộm và chuyển ra ngoài gồm: 01 thùng thuốc là điều hiệu Heirose (loại 50 cây/thùng, 10 bao/cây), 05 thùng bột ngọt Vedan (40 gói/thùng, 454gram/gói) và 02 thùng bia hiệu Saigon Lager (24 lon/thùng, 330ml/lon). Sau khi di chuyển số hàng hóa lấy trộm được ra ngoài, T tắt công tắc điện trong kho, chui ra ngoài, vặn ốc vách tol cố định lại và để thùng rác lại như ban đầu. Sau đó điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59F1-557.28, chở theo số hàng hóa lấy trộm được đến chợ C (ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang) bán cho tiệm tạp hóa “Cô T1”, do bà T1 làm chủ và trực tiếp mua với số tiền 8.400.000đồng. T sử dụng số tiền để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện và cách thức thực hiện như lần thứ nhất; ngày 06/01/2020, T tiếp tục đột nhập vào kho chứa hàng hóa của ông Q, lấy trộm được số hàng hóa gồm: 04 thùng thuốc là điều hiệu Heirose (loại 50 cây/thùng, 10 bao/cây), 01 thùng bột ngọt Vedan (40 gói/thùng, 454gram/gói), rồi đem đến chợ K (ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang) bán cho tiệm tạp hóa “T N” do ông Quách Hán T2 làm chủ và trực tiếp mua với số tiền 8.400.000đồng. T sử dụng toàn bộ số tiền để tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/HĐĐGTS ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã L kết luận: “Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Hữu T lấy trộm của ông Dương Quốc Q vào ngày 02/01/2020 và ngày 06/01/2020 là 22.645.000đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)”.

* Vật chứng của vụ án:

- Những vật chứng quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã thu giữ và trả cho ông Dương Quốc Q gồm:

+ 05 thùng thuốc là điều hiệu Heirose; bên trong mỗi thùng có chứa 50 cây cây thuốc lá điều;

+ 06 thùng bột ngọt Vedan; bên trong mỗi thùng có chứa 40 gói loại 454gram/gói;

+ 02 thùng bia hiệu Saigon Lager; bên trong mỗi thùng có chứa 24 lon, 330ml/lon.

- Vật chứng đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L:

+ Một điện thoại di động, hiệu Samsung A50, IMEI 1:356646100897990, IMEI 2: 356647100897998, màu xanh, có gắn ốp lưng màu xanh đen, đã qua sử dụng.

+ Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 59F1-557.28, có tên chủ xe là Nguyễn Thị Như Q.

+ Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát 59F1-557.28, đã qua sử dụng;

+ Một hợp đồng bán xe biển kiểm soát 59F1-557.28, có tên người bán là Trần Bá Vũ B và có tên người mua là Nguyễn Hữu T;

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu.

* Đối với ông Quách Hán T2 và bà T1 khi mua tài sản không biết do T trộm mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L không đủ cơ sở xử lý những người này tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Đối với vật chứng là chìa khóa 8 (tám), hai đầu hình chữ C bị cáo dùng mở ổ vách tol để vào nhà kho lấy trộm tài sản của ông Q, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả nên không đặt ra xử lý.

* Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS-TXLM ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành

vi phạm tội, nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng như đã truy tố. Sau khi phân tích động cơ, mục đích, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản, đồ vật còn giá trị sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1, Quách Hán T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; đối với bị hại Quân, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bận và những người làm chứng Trần Thị T3, Phạm Thị T4, Cao Thị T5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt. Việc vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, phù hợp với lời nhận tội của các bị cáo giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định được: Với bản chất lười lao động lại muốn hưởng thụ nên vào các ngày 02/01/2020 và 06/01/2020 bị cáo lợi dụng việc kho hàng của ông Q không ai trông coi, bị cáo hai lần lén lút đột nhập vào trộm tài sản đem bán, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thị xã L xác định có giá trị là 22.645.000đồng. Nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Về tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo từng bị xử phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học, ra sức lao động lo phát triển kinh tế gia đình góp phần cống hiến cho đất nước, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích. Cho nên, việc buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt phù hợp với hành vi, và hậu quả mà từng bị cáo đã gây ra là rất cần thiết nhằm đề răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội và tái phạm, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã trao trả cho chủ sở hữu, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng trả chủ sở hữu và vật chứng không truy tìm được không đặt ra xem xét.

Đối với vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thì tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Một điện thoại di động, hiệu Samsung A50, IMEI 1:356646100897990, IMEI 2: 356647100897998, màu xanh, có gắn ốp lưng màu xanh đen, đã qua sử dụng.

- Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 59F1-557.28, có tên chủ xe là Nguyễn Thị Như Q.

- Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát 59F1-557.28, đã qua sử dụng;

- Một hợp đồng bán xe biển kiểm soát 59F1-557.28, có tên người bán là Trần Bá Vũ B và có tên người mua là Nguyễn Hữu T.

[9] Xét mức án và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50, 47, khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 106, 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

* Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Một điện thoại di động, hiệu Samsung A50, IMEI 1:356646100897990, IMEI 2: 356647100897998, màu xanh, có gắn ốp lưng màu xanh đen, đã qua sử dụng.

- Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 59F1-557.28, có tên chủ xe là Nguyễn Thị Như Q.

- Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát 59F1-557.28, đã qua sử dụng;

- Một hợp đồng bán xe biển kiểm soát 59F1-557.28, có tên người bán là Trần Bá Vũ B và có tên người mua là Nguyễn Hữu T.

* Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Công an thị xã L;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Lưu.

Trần Ngọc Niềm